

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Xét Tờ trình số 3333/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

anana

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Hỗ trợ một số hoạt động đầu tư trồng rừng gỗ lớn thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
2. Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu hỗ trợ trồng rừng sản xuất gỗ lớn.
3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Điều kiện nhận hỗ trợ

1. Có đất trồng rừng sản xuất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hoặc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định theo quy định của pháp luật về đất đai, không có tranh chấp.
2. Có cam kết khai thác sau khi rừng đạt tiêu chí rừng trồng gỗ lớn theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về các biện pháp lâm sinh.
3. Cây giống để trồng rừng phải có đủ hồ sơ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
4. Diện tích rừng trồng được hỗ trợ phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, phương án phát triển rừng gỗ lớn.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ công khai, minh bạch, không hỗ trợ đầu tư cho các diện tích đã được nhà nước đầu tư hoặc đã dùng vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước; không hỗ trợ lặp lại trong một chương trình, dự án; việc hỗ trợ phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn kinh phí hằng năm.
2. Hỗ trợ theo tiến độ từng công đoạn đã được nghiệm thu.
3. Diện tích hỗ trợ phải đạt tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
4. Trường hợp nhu cầu hỗ trợ vượt quá khả năng cân đối kinh phí tại thời điểm đề xuất hỗ trợ thì hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu số;
 - b) Diện tích trồng rừng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và pháp luật có liên quan;
 - c) Trường hợp các đối tượng cùng mức ưu tiên thì hỗ trợ theo thứ tự tiếp nhận đăng ký hỗ trợ.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ trồng các loài cây sinh trưởng nhanh: 32,7 triệu đồng/ha/chu kỳ, cụ thể:

- Hỗ trợ cây giống, phân bón trồng rừng: 12,0 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ cây giống trồng dặm và nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất: 4,3 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ phân bón (bón thúc) và nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ hai: 8,6 triệu đồng/ha.
- Hỗ trợ nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ ba: 3,2 triệu đồng/ha.
- Hỗ trợ nhân công nuôi dưỡng rừng trồng (một lần trong các năm từ năm thứ năm đến năm thứ bảy): 4,6 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ trồng các loài cây sinh trưởng chậm: 49,1 triệu đồng/ha/chu kỳ, cụ thể:

- Hỗ trợ cây giống, phân bón trồng rừng: 14,5 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ cây giống trồng dặm và nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất: 6,5 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ hai: 5,5 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ phân bón (bón thúc) và nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ ba: 9,0 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ tư: 4,5 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ nhân công chăm sóc rừng trồng năm thứ năm: 4,5 triệu đồng/ha;
- Hỗ trợ nhân công nuôi dưỡng rừng trồng (một lần trong các năm từ năm thứ bảy đến năm thứ chín): 4,6 triệu đồng/ha.

3. Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự toán trồng rừng sản xuất gỗ lớn: 3,5 triệu đồng/ha, thực hiện trong năm đầu tiên.

4. Chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu và các chi phí khác có liên quan theo thiết kế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng được hỗ trợ

1. Quyền: Được hưởng toàn bộ sản phẩm từ rừng sau khi khai thác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

a) Phải thực hiện đầy đủ các biện pháp lâm sinh về trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng gỗ lớn theo quy định.

b) Phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ nếu khai thác trước khi rừng đạt tiêu chí rừng trồng gỗ lớn.

c) Trường hợp mất rừng hoặc không thể duy trì diện tích rừng trồng do các nguyên nhân: do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai; do

arad

dịch bệnh và sinh vật gây hại rừng; do cháy rừng nhưng không xác định được nguyên nhân do tự nhiên hay do con người gây ra; do Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật thì không phải hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ.

Điều 6. Phương thức hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư theo hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh được thẩm định, phê duyệt và được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn thu trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy trình tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu VT, P.CTHĐND (T). 



Nguyễn Đăng Quang